

Bản án số: 10 /2024/HNGĐ -ST

Ngày 12/4/2024

"V/v ly hôn, nuôi con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HẸN ÂN THI - TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đồng Dục

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Chủ - Cán bộ nghỉ hưu

Bà Dương Thị Thu Hồng – Chủ tịch Hội phụ nữ xã

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND Hện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên

- Đại diện VKSND Hện Ân Thi tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Hện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2024/TLST - HNGĐ ngày 19/01/2024 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXX- HNGĐ ngày 12/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29/3/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Bùi Thị Khánh L, sinh năm 2002 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Trú tại: ĐT, HL, MH, Hưng Yên

- Bị đơn : Anh Nguyễn Trọng G, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Trú tại: BS, BS, AT, Hưng Yên

- Người có QLVN liên quan: Cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21/11/2021

Người đại diện hợp pháp của cháu: Chị L – mẹ đẻ của cháu

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2023 và lời khai của chị L trình bày: Ngày 02/5/2021, chị và anh G tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn, Hện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn, chị về ngay gia đình nhà anh G chung sống. Vợ chồng có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, sinh được 01 con. Đến đầu năm 2022, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh G mãi chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con, chị L và gia đình đã kHên can, nhưng anh G không thay đổi, vì vậy tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, rạn nứt, thiếu sự tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau, chị đã 02 lần bỏ về nhà mẹ

để ở sau đó anh G đến xin lỗi, hứa hẹn, chị đã cho anh G cơ hội sửa chữa và quay về tiếp tục chung sống với anh G, nhưng anh G vẫn không thay đổi, nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Đến tháng 5/2023 chị về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Trong thời gian này, anh G có nhắn tin bảo chị về cho con cái đỡ khổ, nhưng không biết lỗi của mình, nên chị nghĩ anh G không thể thay đổi được, nên chị cương quyết không quay về chung sống với anh G.

Ngày 19/01/2024, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án Hện giải quyết cho chị được ly hôn anh G.

- Về con chung: Có 01 con chung, là cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21/11/2021. Hiện nay cháu H đang ở với chị.

- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không đề nghị giải quyết

Bà Trịnh Thị Thoan và ông Nguyễn Trọng Mạnh (bố mẹ đẻ của anh G) trình bày: Vợ chồng anh G tự tìm hiểu nhau, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn vào năm 2021. Sau khi kết hôn, chị G về ngay gia đình ông, bà chung sống. Vợ chồng anh G có một khoảng thời gian chung sống hạnh phúc, sinh được 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng H. Đến tháng 4/2023 vợ chồng anh G mâu thuẫn, do anh G có chơi bời, chị L không chấp nhận nên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở. Ông, bà đã khen giải để vợ chồng về ở với nhau cho con cái đỡ khổ, nhưng chị L không về. Nay chị L có đơn xin ly hôn anh G, việc anh chị có ăn ở được với nhau hay không là quyền của anh chị. Hiện anh G đi bán hoa quả từ sáng đến tối mới về.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng H, sinh năm 2021.

- Về tài sản chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và lấy lời khai của anh G nhưng anh G đều vắng mặt nên trong hồ sơ không có tài liệu thể hiện quan điểm của anh G.

Tại biên bản xác minh với UBND xã Bắc Sơn: Vợ chồng anh G, chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn ngày 02/5/2021. Vợ chồng anh G có mâu thuẫn như thế nào thì UBND xã không nắm được vì thôn không phản ánh gì.

- Về con chung: Có 01 con chung, là cháu Nguyễn Trọng H sinh ngày 21/11/2021.

- Về tài sản chung: UBND xã không nắm được.

Tại phiên tòa ngày 29/3/2024: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt lần thứ 1 không có lý do, căn cứ khoản 1 Điều 227 BLTTDS, HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 12/4/2024: Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh G vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228, 238 BLTTDS, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

*** Ý kiến và quan điểm của đại diện VKSND Hện tham gia phiên tòa:**

+ Về chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Điều 70, 71, 78 BLTTDS.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do, vi phạm khoản 15, 16 Điều 70 BLTTDS

+ Về đường lối giải quyết:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 238 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bùi Thị Khánh L. Xử cho chị L được ly hôn anh G

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng H sinh ngày 21/11/2021 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L theo quy định của pháp luật. Anh G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị L, anh G không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Chị L phải chịu án phí DSST, anh G phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện Ân Thi, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh G, chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn, Hện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào ngày 02/5/2021. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh G, chị L là hợp pháp. Nay chị L có đơn xin ly hôn sẽ được áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết theo thủ tục chung. Anh G có ĐKKHKT và hiện đang sinh sống tại BS, BS, AT nên việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Hện Ân Thi, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Xét mâu thuẫn vợ chồng: Chị L xác định đầu năm 2022 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh G chơi bời, không quan tâm đến vợ con, chị L tham gia thì anh G không nghe nên chị L về nhà bố mẹ để ở, sau một thời gian anh G hứa thay đổi, vợ chồng về tiếp tục chung sống, nhưng đến năm 2023, anh G vẫn chứng nào tật đấy, vẫn chơi bời, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, vì thế chị L xác định không thể chung sống với nhau được nữa nên chị L về nhà bố mẹ để ở từ tháng 5/2023. Vợ chồng sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ với nhau từ tháng 05/2023 Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L thiết tha xin được ly hôn. Phía anh G, mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý, giao các thủ tục tố tụng khác theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh G vẫn không phối kết hợp để làm việc. Qua lời khai của đương sự và qua xác minh, HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nguyện vọng xin được ly hôn của chị L là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần xử cho chị L được ly hôn anh G để giải phóng cho cả hai bên, xét là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh G, chị L có 01 con chung là cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21/11/2021. Hiện cháu H đang ở với chị L. Quá trình giải quyết vụ án chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, còn anh G được Tòa án triệu tập, thông báo nhưng đều vắng mặt nên không rõ quan điểm của anh G, xét thấy nguyện vọng của chị L là chính đáng, chị L vẫn đang nuôi con, chị L là giáo viên mầm non, thu nhập theo lương là 6.500.000 đồng/ tháng, còn anh G kinh doanh buôn bán tự do thu nhập không ổn định, thời gian làm việc từ sáng đến tối nên việc dành thời gian chăm sóc, nuôi dạy con khó khăn, đồng thời, cháu H dưới 36 tháng tuổi theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Vì vậy, HĐXX giao cháu H cho chị L nuôi để đảm bảo phát triển mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng: Chị L nhận nuôi con và có yêu cầu anh G cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật là chính đáng nhằm đảm bảo tốt hơn điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, do vậy HĐXX buộc anh G có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi là phù hợp với pháp luật và thực tế công việc của anh G.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh G, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và anh G phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điều 147, khoản 2 điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 BLTTDS
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Khánh L được ly hôn anh Nguyễn Trọng G

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng H, sinh ngày 21/11/2021 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh G phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị L là 1.500.000 đồng/ tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi . Anh G có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Áp dụng khoản 1 Điều 357 BLDS

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh G không thi hành khoản tiền cấp dưỡng trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4 - Về án phí : Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0000759 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Hện Ân Thi. Chị L đã nộp đủ.

Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

5- Quyền kháng cáo: Chị L, anh G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Phòng GDKT;

-VKSND + THADS Hện;

-Đương sự;

-UBND xã Bắc Sơn, Ân Thi, Hưng Yên;

-Lưu HS

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đồng Dục

